

**ỦY BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH
VÀ TRẺ EM**

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em số 01/2004/QĐ-DSGDTE ngày 24/5/2004 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY
BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH
VÀ TRẺ EM**

Căn cứ Nghị định số 94/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em;

Căn cứ Quyết định số 135/2003/QĐ-TTg ngày 09/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc củng cố và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam;

Căn cứ ý kiến thỏa thuận của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1002/BNV-TCBC ngày 04 tháng 5 năm 2004;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam,

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 205/2001/QĐ-BVCSTE ngày 16 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN
DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

Lê Thị Thu

**QUY CHẾ Tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt
Nam**

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2004/QĐ-DSGDTE ngày 24/5/2004 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam là tổ chức sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, có chức năng vận động các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế để góp phần thực hiện một số mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có tư cách pháp nhân, có trụ sở, tài khoản và con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

3. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam: The National Fund for Vietnamese Children, viết tắt là NFVC.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

1. Khai thác mọi nguồn lực bằng hình thức huy động sự đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu của Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam, trong đó đặc biệt ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam, trẻ em miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và vùng bị thiên tai, dịch bệnh.

2. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

3. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam hoạt động không vì mục đích thu lợi nhuận; không được lợi dụng việc hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam để hoạt động bất hợp pháp.

4. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM VIỆT NAM

*Mục I. HỘI ĐỒNG BẢO TRỢ QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM VIỆT NAM***Điều 3.** Hội đồng Bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

1. Hội đồng Bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội đồng Bảo trợ) gồm những người có uy tín, tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, tự nguyện tham gia bảo trợ và vận động nguồn lực cho Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

2. Hội đồng Bảo trợ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Giám đốc Quỹ và một số thành viên. Hội đồng Bảo trợ có Thường trực Hội đồng để điều hành công việc

giữa các kỳ họp của Hội đồng, Thường trực Hội đồng Bảo trợ, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng Bảo trợ do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em mời.

Các thành viên khác của Hội đồng Bảo trợ do Chủ tịch Hội đồng Bảo trợ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em mời và quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Bảo trợ

1. Thông qua phương hướng và kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam trên cơ sở chương trình kế hoạch hoạt động của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

2. Bảo trợ và tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động tài trợ nhằm phát triển nguồn vốn cho Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

Điều 5. Chế độ làm việc của Hội đồng Bảo trợ

1. Hội đồng Bảo trợ làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số (quá 1/2 số thành viên Hội đồng Bảo trợ đồng ý), Hội đồng bảo trợ họp thường kỳ một năm 2 lần, trường hợp cần thiết có thể triệu

tập họp bất thường theo quyết định của thường trực Hội đồng Bảo trợ hoặc ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng Bảo trợ yêu cầu.

Thường trực Hội đồng Bảo trợ chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập hội nghị.

2. Trong trường hợp thành viên Hội đồng Bảo trợ không có điều kiện tiếp tục tham gia hoạt động thì Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quyết định người thay thế theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

Mục II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM VIỆT NAM

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

1. Xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam báo cáo Hội đồng Bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phê duyệt.

2. Khai thác, thu nhận các nguồn đóng góp ở trong và ngoài nước tạo nguồn vốn cho Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Phát triển nguồn vốn thông qua những hoạt

động kinh tế, văn hóa theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em các địa phương, các Bộ, ngành, các đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt.

4. Tổ chức tuyên truyền các hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và kết quả đóng góp của các nhà tài trợ.

5. Quản lý sử dụng tài chính, tài sản được giao và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

6. Xét duyệt các chương trình, dự án vận động theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án theo quy định của pháp luật.

8. Định kỳ báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Hội đồng Bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam về tình hình thu, chi, tích lũy, quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

9. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ

trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em giao.

Điều 7. Tổ chức, bộ máy của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có Giám đốc và không quá ba Phó Giám đốc.

Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam là người đứng đầu Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em về toàn bộ hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Phó Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam là người giúp Giám đốc điều hành một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

2. Bộ máy giúp việc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam gồm:

- Văn phòng;
- Ban Vận động;
- Ban Tuyên truyền;
- Ban Quản lý chương trình và Dự án.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh

Văn phòng, Trưởng ban, các Phó Chánh Văn phòng và Phó Trưởng ban của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam do Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam quy định nhiệm vụ cụ thể của bộ máy giúp việc của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

5. Việc sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể và đình chỉ hoạt động của các tổ chức thuộc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội đồng Bảo trợ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam quy định tại Điều 6 Quy chế này;

2. Chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Bảo trợ và hội nghị toàn thể của Hội đồng Bảo trợ, chủ động đề xuất nội dung biện pháp hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam;

3. Chấp hành các định mức chi tiêu

của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam theo đúng pháp luật và đúng kế hoạch đã được phê duyệt;

4. Định kỳ báo cáo kế hoạch và kết quả hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Hội đồng Bảo trợ;

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam (bao gồm bảo toàn và phát triển) theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản;

6. Căn cứ vào nhu cầu công việc và khả năng tài chính, Giám đốc quyết định tuyển dụng cán bộ, viên chức và cộng tác viên theo đúng quy định của pháp luật;

7. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

Điều 9. Mối quan hệ giữa Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam với Quỹ Bảo trợ trẻ em các ngành, các địa phương

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em về công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp, các ngành một cách có hiệu quả.

2. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam phối hợp hoạt động với Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp, các ngành trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ nhằm vận động gây quỹ

và thực hiện các chương trình dự án của quỹ nhằm hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu của Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam.

Mục III. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM VIỆT NAM

Điều 10. Nguồn thu của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam gồm:

1. Đóng góp tự nguyện của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong những trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận tài trợ có mục đích, có địa chỉ cụ thể để thực hiện theo ủy quyền của tổ chức, cá nhân tài trợ.

4. Lợi nhuận do việc khai thác từ việc tăng trưởng và bảo tồn của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam được pháp luật cho phép.

5. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 11. Nội dung chi của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam

1. Chi hỗ trợ trẻ em: theo các chương

trình của Quỹ có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn cụ thể mục tiêu chiến lược của Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam:

a) Hỗ trợ trẻ em khuyết tật, trẻ em nạn nhân chất độc da cam: Phục hồi chức năng, phẫu thuật mắt, phẫu thuật môi hở hàm ếch, phẫu thuật dị tật vận động, phẫu thuật tim...;

b) Hỗ trợ vì mục tiêu trẻ em cho các xã đặc biệt khó khăn: Cấp học bổng, xây dựng lớp mẫu giáo, chương trình nước sạch, điểm vui chơi, trẻ em lang thang...;

c) Hỗ trợ đột xuất, hỗ trợ trẻ em vùng bị thiên tai, dịch bệnh;

d) Hỗ trợ khác phù hợp với tôn chỉ mục đích của Quỹ;

đ) Chi vốn đối ứng các dự án (nếu có).

2. Chi truyền thông xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

3. Chi quản lý hành chính:

a) Chi cho công tác nghiệp vụ, vận động, phong trào để huy động nguồn lực;

b) Chi lương, bảo hiểm và phụ cấp cho cán bộ, nhân viên của Quỹ theo quy định của pháp luật;

c) Chi cho các hoạt động đoàn ra, đoàn vào phục vụ cho công tác vận động xây dựng Quỹ;

d) Chi cho việc khảo sát, lập dự án và kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án;

đ) Khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có công đóng góp cho hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

e) Chi công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

g) Văn phòng phẩm, hành chính phí.

Tổng chi của khoản 3 Điều này thực hiện theo Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

4. Hàng năm, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam được sử dụng từ 10% đến 15% tổng số thu trong năm làm nguồn dự phòng và tích lũy để phát triển Quỹ, đáp ứng các nhu cầu chi theo kế hoạch đã được phê duyệt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này và các nhu cầu chi phát sinh đột xuất khác khi nguồn thu chưa đảm bảo đáp ứng ngay được.

Số dư hàng năm của khoản dự phòng nói trên được chuyển sang năm sau.

Điều 12. Nội dung chi của các dự án được tài trợ

Đối với các dự án được tài trợ, nội dung chi thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam với nhà tài trợ phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng các dự án viện trợ của nước ngoài,

nội dung chi được thực hiện theo văn bản ký kết.

Điều 13. Quyền yêu cầu chi theo mục đích của nhà tài trợ

Những tổ chức, cá nhân ủng hộ cho Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có quyền yêu cầu sử dụng nguồn tài trợ của mình cho các mục tiêu và đối tượng cụ thể trong phạm vi hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 14. Công tác kế toán, tài chính, thống kê

Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật hiện hành:

1. Mở sổ sách kế toán, thống kê hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ tài chính, chấp hành các chế độ, quy định về hóa đơn, chứng từ kế toán;

2. Mở sổ theo dõi và thống kê đầy đủ danh sách các cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và những đối tượng, địa chỉ được Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam giúp đỡ;

3. Lập và gửi các báo cáo tài chính và quyết toán thu, chi định kỳ hàng quý, năm của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Hội đồng Bảo trợ;

4. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật;

5. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có trách nhiệm chấp hành việc kiểm tra, thanh tra tài chính, kiểm toán theo quy định của Nhà nước.

Chương III

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 15. Khen thưởng

Mọi tổ chức, cá nhân, trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong hoạt động xây dựng và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam đều được khen thưởng. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Kỷ luật

Mọi hành vi vi phạm đến việc hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và các quy định tại Quy chế này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật./.